

TỔNG KẾT PHẦN VĂN HỌC (Bài 33 và 34)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hình dung lại hệ thống các văn bản tác phẩm văn học đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn toàn cấp THCS.

– Hình thành những hiểu biết ban đầu về nền văn học Việt Nam : các bộ phận văn học, các thời kì lớn, những đặc sắc nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật.

– Củng cố và hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì trong tiến trình vận động của văn học. Biết vận dụng những hiểu biết này để đọc và hiểu đúng các tác phẩm trong chương trình.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Chương trình Ngữ văn THCS không đặt nặng yêu cầu hình thành cho HS kiến thức về lịch sử văn học. Hệ thống văn bản trong SGK được sắp xếp theo các kiểu văn bản với các phương thức biểu đạt chính và theo các thể loại văn học, có kết hợp với tiến trình lịch sử văn học. Tuy vậy, qua cả bốn lớp của cấp THCS, HS đã tiếp nhận và tích lũy được một khối lượng văn bản tác phẩm văn học khá lớn, thuộc đủ hai bộ phận (văn học dân gian, văn học viết) với nhiều thể loại tiêu biểu và ở các thời kì của lịch sử văn học Việt Nam. Ở cuối cấp THCS, HS đã có điều kiện trên cơ sở vốn hiểu biết về văn học đã tích lũy, hình thành những kiến thức sơ lược nhưng cơ bản và hệ thống về nền văn học Việt Nam. Bài tổng kết thứ nhất – *Nhìn chung về nền văn học Việt Nam* – chỉ đề cập ba nội dung cơ bản: các bộ phận của nền văn học, sơ lược về tiến trình lịch sử văn học và mấy nét đặc sắc nổi bật về nội dung và hình thức nghệ thuật. Ba nội dung trên tuy chưa bao quát được đủ các vấn đề quan trọng của lịch sử văn học Việt Nam, nhưng chắc chắn đó là những vấn đề cơ bản để giúp hình thành cái nhìn tổng quan về nền văn học dân tộc.

Việc tổng kết này không chỉ giúp HS hệ thống hoá toàn bộ chương trình Văn học ở cấp THCS mà còn chuẩn bị cho HS học chương trình Ngữ văn THPT, chương trình này chủ yếu được sắp xếp theo trình tự lịch sử văn học.

2. Một trong những yêu cầu quan trọng của chương trình Ngữ văn THCS là hình thành ở HS những hiểu biết về các kiểu văn bản và nắm được các phương thức biểu đạt chủ yếu (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận). Hầu hết các văn bản được lựa chọn để học là các tác phẩm văn học (hoặc đoạn trích tác phẩm), vì thế mỗi kiểu văn bản trong chương trình Ngữ văn lại thuộc về một thể loại văn học nhất định. Kiến thức về các thể loại văn học, đối với HS không phải ở dạng lí thuyết mà gắn liền với các văn bản cụ thể và được hình thành dần, bổ sung và nâng cao trong cả quá trình tiếp nhận các tác phẩm trong chương trình Ngữ văn toàn cấp THCS. Đến cuối cấp THCS, HS đã được làm quen với nhiều thể loại chủ yếu của văn học dân gian cũng như văn học viết qua các thời kì lịch sử. Vì thế, phần tổng kết văn học cần giúp HS nhớ lại, hệ thống hoá các kiến thức về thể loại văn học. Những hiểu biết về thể loại có một ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với việc tiếp nhận, phân tích các tác phẩm có trong chương trình, mà còn cần thiết cho HS để đọc – hiểu được các tác phẩm khác ngoài chương trình.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ TỔNG KẾT

Để chuẩn bị cho bài tổng kết văn học, khoảng hai tuần trước, GV cần phổ biến các yêu cầu tổng kết và dặn dò HS làm các công việc theo yêu cầu và nhiệm vụ nêu trong bài 33 của SGK.

– Câu 1 : Yêu cầu HS nhớ lại và thống kê đầy đủ các tác phẩm hoặc đoạn trích đã học (kể cả những bài tự học có hướng dẫn) và ghi vào bảng thống kê theo mẫu trong SGK. Số lượng tác phẩm của cả chương trình Ngữ văn THCS khá lớn, lại học trong bốn năm nên chắc chắn HS không thể nhớ hết. Một khó khăn nữa là HS thường không giữ lại SGK của các năm trước, nên không có tài liệu để lập bảng thống kê. Để giúp HS khắc phục khó khăn này, GV có thể cung cấp cho HS danh mục các tác phẩm và đoạn trích đã học ở mỗi lớp, nhưng không ghi thể loại, HS dựa vào đó để tái hiện kiến thức và ghi vào bảng thống kê theo mẫu.

Các câu 2, 3, 4 nhằm mục đích chuẩn bị cho việc tổng kết về các thể loại văn học đã học, theo các bộ phận : văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại.

– Câu 2 : Yêu cầu HS ghi lại định nghĩa về từng thể loại của văn học dân gian, mà phần này chỉ học ở lớp 6 và 7. Để khắc phục khó khăn do thiếu SGK các lớp này, GV có thể cung cấp bản photocopy những chú thích về từng thể loại văn học dân gian ở bài đầu mỗi cụm bài.

– Câu 3 : Yêu cầu HS thống kê chi tiết các thể thơ, văn đã học trong chương trình văn học trung đại. HS dựa vào bảng thống kê ở câu 1, rồi nhớ lại hoặc xem lại văn bản các tác phẩm để làm được câu này.

– Câu 4 : Yêu cầu nhận ra phương thức biểu đạt chủ yếu ở mỗi thể loại của văn học hiện đại. Trong thực tế văn học, nhất là ở văn học hiện đại, mỗi tác phẩm thường không sử dụng duy nhất một phương thức biểu đạt mà phối hợp nhiều phương thức. Chẳng hạn trong tác phẩm truyện luôn có cả tự sự, miêu tả, biểu cảm và đôi khi cả nghị luận. Tuy nhiên, ở mỗi tác phẩm, vẫn nổi lên một hay vài phương thức biểu đạt chủ yếu, làm căn cứ để xác định và gọi tên thể loại của tác phẩm ấy.

B – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Phần A : NHÌN CHUNG VỀ NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM

Trên cơ sở khối lượng đáng kể các tác phẩm văn học Việt Nam HS đã học ở cả bốn lớp được thống kê theo hệ thống trong câu 1 ở phần chuẩn bị tổng kết, bài này nhằm hình thành cho HS cái nhìn tổng quan về nền văn học Việt Nam, cố nhiên là trong phạm vi những hiểu biết sơ lược, phổ thông.

Bài viết trong SGK gồm ba phần, đề cập ba nội dung cơ bản trong kiến thức tổng quan về văn học dân tộc. GV cần tổ chức bài học theo đúng trình tự và nội dung từng phần của SGK. Ở mỗi nội dung, cần gợi cho HS nhớ lại các tác phẩm đã học và nêu dẫn chứng minh hoạ. GV cần giảng giải thêm ở những nhận định khái quát, đưa thêm ví dụ minh hoạ ở những chỗ cần thiết và ghi lên bảng dàn ý chi tiết của từng phần, theo trình tự dạy – học.

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

GV nêu yêu cầu của bài (xem phần *Mục tiêu cần đạt*), nêu nhận định về vị trí, giá trị của nền văn học Việt Nam (đoạn mở đầu của phần *Nhìn chung về nền văn học Việt Nam* trong SGK).

Hoạt động 2. Tìm hiểu mục I: *Các bộ phận hợp thành nền văn học Việt Nam.*

Mục này nói về cấu trúc của nền văn học, tức là chỉ ra các bộ phận và thành phần hợp thành nền văn học ấy.

GV yêu cầu HS nhìn vào bảng thống kê tác phẩm mà các em đã làm, cho biết văn học Việt Nam được tạo thành từ những bộ phận nào, được viết bằng những loại văn tự nào và mỗi loại văn tự được sử dụng chủ yếu ở thời kì nào ?

Văn học Việt Nam, cũng như nhiều nền văn học khác, được tạo thành từ hai bộ phận lớn : văn học dân gian và văn học viết.

Các ý chính trong mục này :

1. Văn học dân gian

– Được hình thành từ thời xa xưa và tiếp tục được bổ sung, phát triển trong các thời kì lịch sử tiếp theo. Văn học dân gian nằm trong tổng thể văn hoá dân gian (folklore).

– Là sản phẩm của nhân dân, chủ yếu là tầng lớp bình dân. Vì không phải là tiếng nói của mỗi cá nhân nên văn học dân gian chỉ chú ý chọn lựa những cái gì là tiêu biểu chung cho nhân dân hay mỗi tầng lớp trong quần chúng.

– Được lưu truyền chủ yếu bằng cách truyền miệng, thường có hiện tượng dị bản.

– Có vai trò quan trọng nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ của nhân dân và là kho tàng phong phú cho văn học viết khai thác, phát triển.

– Văn học dân gian Việt Nam bao gồm văn học của nhiều dân tộc trên đất nước Việt Nam. Văn học dân gian nước ta vẫn tiếp tục phát triển trong suốt thời trung đại, khi văn học viết đã ra đời và phát triển.

– Về thể loại, văn học dân gian Việt Nam có hầu hết các thể loại chủ yếu trong văn học dân gian thế giới, đồng thời lại có một số thể loại riêng (vè, truyện thơ, chèo, tuồng, đờ, ...).

2. Văn học viết

Xuất hiện từ thế kỉ X, trong thời kì giành lại được nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Các thành phần của văn học viết xét về mặt văn tự bao gồm : văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm và văn học chữ quốc ngữ.

– Văn học chữ Hán : xuất hiện từ buổi đầu của văn học viết và tồn tại, phát triển trong suốt thời kì văn học trung đại (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX), và còn có một số tác phẩm ở thế kỉ XX.

Văn học chữ Hán tiếp thu nhiều yếu tố của văn hoá và tư tưởng Trung Hoa, nhưng vẫn là một thành phần của văn học Việt Nam, mang tinh thần dân tộc, thể hiện đời sống, tư tưởng, tâm lí dân tộc.

(GV cho HS kể tên những tác phẩm chữ Hán của văn học Việt Nam được học trong chương trình THCS, lưu ý nêu thời điểm sáng tác của từng tác phẩm.)

– Văn học chữ Nôm : xuất hiện muộn hơn văn học chữ Hán (ở thế kỉ XIII, nhưng tác phẩm cổ nhất còn lại đến nay là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi ở thế kỉ XV). Văn học chữ Nôm tồn tại song song với văn học chữ Hán và đặc biệt phát triển mạnh mẽ ở thế kỉ XVIII – XIX, mà những đỉnh cao tiêu biểu là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Hồ Xuân Hương.

– Văn học chữ quốc ngữ : chữ quốc ngữ xuất hiện từ thế kỉ XVII, đến cuối thế kỉ XIX mới được dùng để sáng tác văn học. Từ đầu thế kỉ XX, chữ quốc ngữ được phổ biến rộng rãi và dần trở thành văn tự gần như duy nhất dùng để sáng tác văn học ở nước ta.

(GV cần giải thích sơ lược về chữ Nôm, phân biệt chữ Nôm với chữ Hán và chữ quốc ngữ ; có thể minh hoạ bằng một vài chữ Nôm và phiên âm ra chữ quốc ngữ để HS hiểu. Cho HS nhắc lại những tác phẩm viết bằng chữ Nôm đã được học trong chương trình.)

Hoạt động 3. Tìm hiểu mục II : *Tiến trình lịch sử văn học Việt Nam.*

Văn học Việt Nam phát triển trong sự gắn bó mật thiết với lịch sử dân tộc, tuy không phải các thời kì văn học đều trùng khít với các thời kì lịch sử.

Văn học Việt Nam (chủ yếu là nói về văn học viết) trải qua ba thời kì lớn :

– Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX (còn gọi là thời kì văn học trung đại) : Ở thời kì này, nền văn học phát triển trong môi trường xã hội phong kiến trung đại qua nhiều giai đoạn, về cơ bản vẫn là một quốc gia phong kiến độc lập, tuy phải chống lại nhiều cuộc xâm lược và cả ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Văn học ở thời kì trung đại có nhiều đặc điểm chung về tư tưởng, về quan niệm thẩm mĩ, về hệ thống thể loại, ngôn ngữ. Văn học trung đại Việt Nam đã có những giai đoạn phát triển mạnh mẽ, kết tinh được thành tựu ở những tác giả lớn, những tác phẩm xuất sắc, cả chữ Hán và chữ Nôm.

– Từ đầu thế kỉ XX đến 1945 : văn học chuyển sang thời kì hiện đại. Cuộc xâm lược của thực dân Pháp, tiếp đó là cuộc khai thác thuộc địa của chúng đem lại nhiều biến đổi sâu rộng về mặt kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng ở nước ta vào đầu thế kỉ XX. Nền văn học vận động theo hướng hiện đại hoá, có những biến đổi toàn diện và mau lẹ, nhanh chóng kết tinh được những thành tựu xuất sắc ở giai đoạn 1930 – 1945, ở cả thơ và văn xuôi.

– Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay : nền văn học của thời đại mới – thời đại độc lập, dân chủ và đi lên chủ nghĩa xã hội. Văn học đã trải qua hai giai đoạn : 1945 – 1975 và từ sau 1975 đến nay.

+ Giai đoạn 1945 – 1975 : Cả dân tộc phải tiến hành liên tiếp hai cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp và chống Mĩ xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Văn học đã phục vụ tích cực cho hai cuộc kháng chiến và các nhiệm vụ cách mạng, nêu cao tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, lòng nhân ái, đức hi sinh, đã sáng tạo những hình ảnh cao đẹp về đất nước và con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ trong hai cuộc kháng chiến, trong lao động xây dựng.

+ Từ sau 1975 đến nay : Văn học bước vào thời kì đổi mới, mở rộng phạm vi tiếp cận đời sống một cách toàn diện ; khám phá con người ở nhiều mặt, hướng tới sự thức tỉnh ý thức cá nhân và tinh thần dân chủ – đó có thể coi là những điểm nổi bật của văn học trong thời kì đổi mới.

(Để làm rõ đặc điểm của từng thời kì và giai đoạn văn học nêu trên, GV cần lấy dẫn chứng trong các tác phẩm được đưa vào chương trình, đặc biệt là ở lớp 8 và lớp 9.)

Hoạt động 4. Tìm hiểu mục III : *Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam.*

Ở mục này, SGK chỉ nêu một cách khái quát nhất những nét được coi là đặc sắc nổi bật về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của văn học Việt Nam, cả văn học dân gian và văn học viết. Về nội dung tư tưởng, chỉ nêu ba điểm nổi bật : tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng ; tinh thần nhân đạo ; sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan. Về mặt nghệ thuật, chỉ nêu một đặc điểm về quy mô và phạm vi kết tinh nghệ thuật.

– Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng là truyền thống tinh thần nổi bật của dân tộc từ xa xưa và đã trở thành nội dung tư tưởng đậm nét, xuyên suốt các thời kì phát triển của văn học Việt Nam. (SGK đã nêu khái quát về nội dung tư tưởng này trong các thời kì văn học, GV cần minh hoạ thêm bằng những tác phẩm HS đã học, từ văn học dân gian đến văn học trung đại và văn học hiện đại.)

– Tinh thần nhân đạo cũng là một truyền thống tư tưởng sâu đậm của văn học Việt Nam. Tư tưởng ấy có sự phát triển với những biểu hiện phong phú, đa dạng qua các thời kì và mỗi giai đoạn văn học. (SGK đã nêu khá rõ những biểu hiện nổi bật của tinh thần nhân đạo trong văn học, GV dẫn chứng bằng những tác phẩm cụ thể. Có thể yêu cầu HS nêu dẫn chứng từ những tác phẩm, tác giả đã học.)

– Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan cũng là một nét đặc sắc của văn học Việt Nam, thể hiện sức sống và đặc điểm tâm hồn dân tộc. (SGK đã gợi ý một số biểu hiện cụ thể của đặc điểm này, GV chỉ cần minh hoạ bằng một số ví dụ trong văn học dân gian và văn học viết.)

– Về quy mô và phạm vi kết tinh nghệ thuật : văn học cũng như các loại hình nghệ thuật khác của ta thường được kết tinh trong những tác phẩm có quy mô không lớn, chú trọng sự tinh tế mà dung dị, có vẻ đẹp hài hoà.

Hoạt động 5. Luyện tập.

Bài tập 1. HS căn cứ vào bảng thống kê tác phẩm đã chuẩn bị ở nhà để làm bài này. Có thể cho HS kết hợp làm nhanh tại lớp khi tìm hiểu mục *Các bộ phận hợp thành nền văn học Việt Nam.*

Bài tập 2. Yêu cầu phân biệt được trên những nét chính như sau :

– Văn học dân gian là sản phẩm của quần chúng nhân dân, không mang tính cá thể. Còn văn học viết là sản phẩm trực tiếp của nhà văn, mang dấu ấn cá nhân tác giả.

– Văn học dân gian chỉ chọn lọc, khái quát những cái chung tiêu biểu cho cộng đồng (toàn thể nhân dân hay một tầng lớp, bộ phận trong quần chúng).

Trong văn học viết, đặc biệt là ở thời kì hiện đại, văn học không chỉ quan tâm đến những cái chung mà còn chú ý tới số phận, tính cách và mọi vấn đề của cá nhân con người.

– Văn học dân gian được sáng tác và lưu truyền chủ yếu bằng phương thức truyền miệng, còn văn học viết thì phải bằng chữ viết và các hình thức ghi chép, lưu giữ lại được (trên thẻ tre, đá, khắc gỗ, trên giấy,...).

Bài tập 3. Tìm ảnh hưởng của VHDG đến văn học viết trên nhiều phương diện, như : thể loại, các mô-típ chủ đề, cốt truyện, nhân vật, hình ảnh và chi tiết nghệ thuật, thành ngữ tục ngữ, ca dao,... được vận dụng vào văn học viết. Trong *Truyện Kiều* và thơ Hồ Xuân Hương có rất nhiều câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ đã được vận dụng thích hợp. Những bài thơ hiện đại như *Con cò* (Chế Lan Viên), *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (Nguyễn Khoa Điềm), *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa* (Nguyễn Duy) là những ví dụ tiêu biểu về việc vận dụng thành công ca dao, dân ca.

Bài tập 4 và 5. GV gợi ý phân tích ở một vài tác phẩm cụ thể, để HS theo hướng đó vận dụng vào phân tích nội dung yêu nước và nhân đạo ở những tác phẩm khác.

Phần B : SƠ LƯỢC VỀ MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC

Yêu cầu của bài này là, trên cơ sở những kiến thức về từng thể loại mà HS đã được hình thành dần trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm văn học của chương trình Ngữ văn THCS, xây dựng những tri thức có tính khái quát và hệ thống, ở bước đầu, về thể loại văn học nói chung và một số thể loại cụ thể trong VHDG và văn học viết qua các thời kì. HS bước đầu hiểu được những căn cứ để phân chia loại thể văn học và nhận diện được một số thể loại tiêu biểu, thấy được tính lịch sử của các thể loại.

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

GV nêu yêu cầu và giới thiệu nội dung chính của bài, nêu ý nghĩa của việc nắm được các kiến thức về thể loại văn học.

Hoạt động 2. Tìm hiểu phần mở đầu : nhìn chung về loại, thể và nguyên tắc phân chia thể loại văn học.

Nội dung này không ghi thành mục riêng, mà được trình bày ở phần mở đầu của bài viết trong SGK. GV trình bày gọn phần này, cần nêu được các ý chính :

– Thể loại văn học là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một dạng hình thức văn bản và phương thức chiếm lĩnh đời sống.

– Căn cứ vào đặc điểm của hiện tượng đời sống được miêu tả trong tác phẩm, phương thức chiếm lĩnh thực tại của tác giả, cách thức tổ chức tác phẩm và lời văn mà người ta phân chia ra các thể loại văn học.

– Nhìn trên tổng thể, sáng tác văn học thuộc ba loại (hay loại hình) là *tự sự*, *trữ tình* và *kịch*. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng phương thức lập luận. Loại rộng hơn thể và bao gồm nhiều thể, nhưng cũng có những thể ở chỗ tiếp giáp của hai loại, mang những đặc điểm của cả hai loại.

– Thể loại văn học vừa có tính ổn định, vừa biến đổi trong lịch sử; vừa có tính chung của mọi nền văn học, lại mang tính đặc thù của mỗi nền văn học dân tộc.

Hoạt động 3. Tìm hiểu mục I : *Một số thể loại văn học dân gian.*

Mục này nhằm ôn lại kiến thức về các thể loại của VHĐG đã học ở lớp 6 và lớp 7. GV yêu cầu HS nhắc lại các định nghĩa vắn tắt về từng thể loại, rồi sửa chữa, bổ sung và cho HS ghi lại. GV minh họa bằng những tác phẩm VHĐG đã học và những tác phẩm quen thuộc khác.

Hoạt động 4. Tìm hiểu mục II : *Một số thể loại văn học trung đại.*

Mục này trong SGK tập trung vào các thể thơ, ngoài ra còn đề cập đến các thể văn xuôi, truyện thơ và các thể chính luận. GV trình bày theo nội dung và trình tự trong SGK. Cần lấy những dẫn chứng minh họa từ các tác phẩm HS đã học. Khi nói về thể thất ngôn bát cú, có thể chép một bài thơ tiêu biểu lên bảng (hoặc chép sẵn vào giấy khổ lớn), yêu cầu HS chỉ ra luật bằng trắc, đối, niêm giữa các câu trong bài thơ. Nên lấy bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan hoặc *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến để minh họa.

Hoạt động 5. Tìm hiểu mục III : *Một số thể loại văn học hiện đại.*

Thể loại trong văn học hiện đại hết sức đa dạng, lại biến đổi nhanh chóng vì tính chất dân chủ, không bị ràng buộc quá chặt chẽ vào các quy tắc, đề cao sự tìm tòi, sáng tạo của nhà văn trong nền văn học hiện đại. Ở mục này, SGK không nhằm trình bày cụ thể các thể loại trong văn học hiện đại, mà chỉ nêu những đặc điểm chung. GV trình bày theo SGK và nhấn mạnh một số điểm như trong phần *Ghi nhớ*.

Lưu ý: Bài tổng kết văn học được dạy – học trong năm tiết. Chương trình để một tiết ở bài 33 và bốn tiết ở bài 34. Để bài tổng kết được liền mạch, SGK không chia ra thành hai phần trong hai bài 33, 34 như ở SGK.

GV có thể vận dụng linh hoạt khi giảng dạy, nhưng phải bảo đảm thời lượng năm tiết, trong đó ba tiết dành cho phần *Nhìn chung về nền văn học Việt Nam*, hai tiết cho phần *Sơ lược về một số thể loại văn học*.